

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBN22B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02044** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Chế biến đồ hộp rau quả**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201021270	Lâm Quốc	Bảo	03/03/2007				8	10.0	9.0	7.0		4.3	6.3	7.2
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo	Chiêu	27/06/2007				8	8.0	7.0	8.0		9.0		8.5
3	2256201021276	Nguyễn Long	Giang	30/11/2007				8	8.0	7.0	9.0		6.8		7.3
4	2256201021277	Trương Nhật	Hào	20/10/2007				8	10.0	8.0	8.0		8.0		8.2
5	2256201021278	Ngô Dương Trung	Hậu	22/05/2007				7	7.0	7.0	5.0		0.0	6.5	6.5
6	2256201021280	Huỳnh Trí	Khang	16/11/2006				8	7.0	8.0	7.0		9.0		8.4
7	2256201021282	Trần Trúc	Lam	28/11/2007				8	10.0	10.0	8.0		8.8		8.9
8	2256201021283	Phạm Chí	Linh	03/04/2007				9	10.0	10.0	9.0		9.0		9.2
9	2256201021286	Nguyễn Hữu	Quốc	05/09/2006				8	7.0	7.0	9.0		9.0		8.5
10	2256201021287	Lê Thị Bảo	Ngân	03/10/2007				7	7.0	9.0	5.0		0.0	7.0	7.0
11	2256201021288	Hồ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2007				9	10.0	10.0	8.0		4.5	6.3	7.5
12	2256201021289	Bùi Thanh	Nhật	28/12/2007				7	10.0	9.0	7.0		7.5		7.9
13	2256201021290	Nguyễn Hữu	Tâm	14/07/2007				7	8.0	8.0	8.0		7.3		7.5
14	2256201021291	Lê Minh	Thắng	03/07/2007				7	7.0	8.0	9.0		10.0		9.1
15	2256201021294	Nguyễn Chí	Thiện	28/11/2007				8	8.0	9.0	8.0		9.8		9.2
16	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007				8	10.0	9.0	8.0		9.3		9.1
17	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007				8	8.0	7.0	9.0		9.5		8.9
18	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007				8	10.0	9.0	9.0		9.5		9.4
19	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007				8	10.0	9.0	8.0		9.0		8.9
20	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007				8	10.0	8.0	8.0		9.0		8.8
21	2256201021300	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006				7	7.0	10.0	7.0		9.3		8.7
22	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005				8	7.0	7.0	6.0		2.5	5.0	5.7

Châu Đốc, ngày 15 tháng 3 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Xuân